



Phật Học Vấn Đáp

Đôi lời bạch bạch

*Kính bạch chư Tôn Đức,
Kính thưa quý độc giả, Phật tử,
Kính thưa liệt vị,*

Trong buổi họp bàn về Đặc San Hương Đạo, khi bàn đến phần nội dung của tờ báo, có nêu ra mục: “ Phật học vấn đáp”. Mục này quý vị đề nghị giao cho Ban Hoàng Pháp (BHP) GHPGVNTN Victoria phụ trách. Nhận thấy, phần đề nghị này rất hữu ích và rất thích hợp trong vai trò hoàng pháp, nên BHP hứa nhận. Tuy nhiên, Phật Pháp nghĩa lý rất sâu rộng vô lượng vô biên, so với khả năng hiểu biết nông cạn của chúng tôi, thì thật chẳng khác nào như ếch ngồi đáy giếng. Vì thế, nên trong mục Phật Học Vấn Đáp này, đa phần là chúng tôi chỉ y cứ vào các Kinh Luật Luận của chư Phật Tổ chỉ dạy, cũng như lược lật những điều giảng giải của các bậc Tôn Đức hay của các hàng học giả trí thức để hầu giải đáp những thắc mắc của quý độc giả Phật tử. Trong khuôn khổ trang báo có hạn, tất nhiên, chúng tôi không thể nào giải đáp một cách trọn vẹn đầy đủ hết ý nghĩa được. Kính mong chư Tôn liệt vị thứ lỗi và chỉ giáo bổ túc cho những điều sai sót. Ban Hoàng Pháp Xin chân thành ghi nhận và hết lòng tri ân, đa tạ.

Ban Hoàng Pháp



Hỏi : Những người tu Tịnh Nghiệp theo pháp môn niệm Phật, mục đích là để cầu sanh về Cực Lạc. Muốn được thế, người tu, ngoài việc niệm Phật ra, còn cần phải có tâm niệm xả ly luyến ái duyên trần. Thế nhưng, không hiểu sao, người tu Tịnh nghiệp khi qua đời, lúc đưa linh cữu đi thiêu hay chôn, tôi thường thấy hay ghé lại nhà để thăm viếng gia cảnh lần cuối. Xin hỏi, điều này có trái với bản nguyện xả ly để cầu sanh Tịnh Độ hay không ?

Đáp : Vấn đề này, xin được giải thích qua hai phương diện:

Về phương diện đời, tức thế tục để mà nói, thì điều này không có gì trái với lẽ đạo thường tình. Nói rõ hơn là rất phù hợp với tập tục văn hoá cổ truyền của người Việt Nam. Theo

quan niệm của tổ tiên chúng ta thì, con người sống có cái nhà, thác có cái mồ. Vì vậy, nhà cửa đối với người Việt Nam rất là quan trọng. Làm chi thì làm việc đầu tiên là phải có căn nhà trước đã. Vì thế mới có câu nói là an cư lạc nghiệp. Khi còn ở Việt Nam, phần nhiều là người bệnh qua đời tại nhà. Dù có chết tại bệnh viện đi chăng nữa, thì thân quyến của người quá cố nhất quyết là phải chở người thân của họ đem về quàn tại nhà để lo việc ma chay tang lễ. Nhưng ngược lại, ở Úc này thì có khác. Người chết phần nhiều là ở trong bệnh viện rồi sau đó người ta đưa thi thể vào nhà quàn. Bởi thế, thi thể ít khi quàn tại nhà, vì có nhiều lý do bất tiện. Bởi vậy, nên khi đưa linh cữu đi thiêu hay chôn, thì thân quyến của người chết (hoặc có sự di chúc của người chết) hay

cho linh xa ghé nhà để cho hương linh thăm nhà lần cuối cùng. Tuy nhiên, điều này, nếu đứng về phương diện đạo lý giải thoát mà nói, nhất là đối với những người tu tịnh nghiệp với bản nguyện là sau khi xả bỏ báo thân này nguyện sanh về cõi Cực Lạc, thì việc làm này không mấy hợp lý. Lý do tại sao ? Bởi có nhiều lẽ. Xin đơn cử một vài việc :

Thứ nhất, trái với bản nguyện lúc sanh tiền. Vì bản nguyện của người chuyên tu Tịnh Nghiệp với một tâm nguyện tha thiết là sau khi bỏ báo thân này nguyện sanh về Cực Lạc. Đó là một nguyện vọng thiết tha duy nhất của người chuyên tu Tịnh Nghiệp. Đã có một bản nguyện thiết tha như thế, thì đối với việc nhà cửa của cải vật chất, tất cả chỉ là những

thứ phù vân hư huyền có gì quan trọng đâu mà luyện tức viếng thăm. Và lại, khi viếng thăm cũng đâu có mang theo được vật gì, chỉ làm tổn hại chướng duyên cho bản nguyện cầu vãng sanh Cực Lạc mà thôi.

Thứ hai, làm cho hương linh mất chánh niệm khởi tâm luyện ái .

Kinh dạy : " Niệm bất nhứt, bất sanh Tịnh Độ. Ái bất nhiếp, bất sanh Ta Bà." Chánh niệm hay tịnh niệm đối với người mới lâm chung thật là quan yếu. Khi chúng ta đưa họ trở về nhà thăm lại những kỷ niệm mà hằng ngày họ thường ưa thích, chắc gì họ không khởi niệm luyện tức. Hơn nữa, theo trong Kinh nói, những người chưa phải là cực thiện, thì phải rơi vào thân trung ấm, tất nhiên thân thức của họ rất là yếu đuối. Chúng ta chẳng những không trợ duyên hộ niệm cho họ thức tỉnh, mà còn gây cho họ một thuận duyên ái nhiễm tham trước như thế, thì thử hỏi làm sao mà họ siêu thoát cho được. Chúng ta nên nhớ, Phật dạy, tâm

tham ái là đầu mối của sanh tử, chính nó là động cơ thúc đẩy thân thức tạo nghiệp để thọ khổ. Vì vậy, nếu trong thân quyến thật sự thương thân nhân ruột thịt của mình, hãy nên nghe lời Phật Tổ dạy mà suy xét lại. Nếu là liên hữu, thì càng nên cẩn trọng trong việc dặn dò con cháu làm điều nầy. Vì nó chỉ có tác hại thêm, chứ không có lợi lạc gì cả. Mong quý liên hữu nên bình tâm suy xét cho thật kỹ. Không ai thấy rõ sự lợi hại bằng chư Phật chư Tổ. Phật Tổ đã dạy như thế, thì chúng ta chớ nên làm trái ngược lại, mà phải chiều cảm quả khổ. Chừng đó, dù có kêu than khóc lóc đến đâu, Phật Tổ cũng không thể nào cứu được. Chi bằng tốt hơn hết là tránh nhân khổ thì không bao giờ gặt hái quả khổ. Mong lắm thay !

Thứ ba, là trái với việc hộ niệm.

Việc hộ niệm, tức trợ giúp cho người sắp lâm chung giữ được chánh niệm hay tịnh niệm thật là hết sức quan trọng. Trong gia đình, nếu có người bệnh sắp lâm chung, thì tất cả thân quyến, bạn bè có đến thăm nên vì người bệnh mà hết lòng niệm Phật. Trường hợp ở xứ Úc nầy, việc hộ niệm trực tiếp có phần khó khăn. Vì phần nhiều bệnh nhân khi bệnh nặng đều phải nằm bệnh viện để điều trị. Do đó, mà việc hộ niệm của thân quyến hay bạn bè có phần trở ngại. Tuy nhiên, chúng ta nên khéo quyền chước phương tiện bằng cách là mở băng nhựa niệm Phật cho bệnh nhân vừa đủ nghe. Bệnh nhân nghe liên tục như thế, thì rất là có lợi, vì dễ được định tâm niệm Phật theo. Đó là một phương tiện hộ niệm rất tốt. Đó là nói,

khi người bệnh còn có chút tỉnh táo. Nếu như sau khi lâm chung rồi, trong những ngày đầu khi chưa thiêu hay chôn, thì việc hộ niệm vẫn rất cần thiết để giúp cho hương linh. Hoặc niệm Phật, hoặc tụng kinh, hoặc dùng những lời thức nhắc cho hương linh tỉnh giác, gắng dần lòng chớ nên bi lụy khóc than mà gây tổn hại cho hương linh. Nhờ thế, mà hương linh có phần nào hồi tâm chuyển ý, cộng thêm tập khí tu niệm hằng ngày khi còn sống, thì hương linh mới sớm được siêu thoát. Ngược lại, đặng nầy, chẳng những chúng ta không thiết thiết hộ niệm như thế, mà còn tạo cho hương linh một sự ái nhiễm tham đắm nhà cửa của cải, thì quả thật đó là một tai hại vô cùng.

Tóm lại, việc đưa hương linh ghé thăm nhà lần cuối qua câu hỏi của người hỏi, chỉ giới hạn trong phạm vi của người tu Tịnh Nghiệp, thì chúng tôi cũng chỉ trả lời góp chút thành ý trong phạm vi đó thôi. Mong rằng, những liên hữu đang tu Tịnh Nghiệp ,xin quý vị cần nghiệm xét kỹ lại, để cho việc cầu vãng sanh của mình không bị trở ngại. Điều nầy, ta cần phải chọn và quyết định một trong hai. Nếu thuận theo duyên đời, thì rất trở ngại cho việc vãng sanh của mình. Nếu theo bản nguyện của mình, thì đương nhiên là trái lại với đời. Chúng ta là người tu hành trọn đời chỉ có một việc làm là niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc để thoát kiếp khổ đau luân hồi trầm luân nơi biển ái, thì thà chấp nhận trái với đời hơn là trái mất bản nguyện của mình.

Còn một điều ích lợi thực tế hơn nữa là không làm mất thời giờ của những thân hữu tiễn đưa. Và như thế, thì hương linh càng tăng thêm phước. Bởi vì nếu vì mình mà họ phải mất thời giờ, thì mình sẽ bị tổn phước. Đó là điều ích lợi thực tế thiết thực.



Trên đây, chỉ là những thành tâm góp ý của người giải đáp dựa theo kinh điển Phật Tử chỉ dạy, còn việc chọn lựa quyết định thì tùy ở nơi mỗi người.

Hỏi : Trong Phật giáo, khi thì nói cái Ngã không thật, khi lại nói cái Ngã chơn thật. Lắm khi lại còn đề cao cái Ngã cho là độc tôn duy nhất nữa. Như khi Phật mới ra đời có nói câu : " Thiên thượng thiên hạ, duy Ngã độc tôn." Tại sao đồng là Ngã, khi nói thật, khi nói không thật. Như vậy có mâu thuẫn chóng trái nhau không ?

Đáp : Không có gì chóng trái nhau cả. Chữ ngã là đọc âm Hán tự, có nghĩa là tôi, ta, hay mình v.v...Để bạn hiểu rõ hơn về chữ ngã, tôi xin trích một đoạn về phần định nghĩa chữ ngã trong bộ Tự Điển Phật Học Huệ Quang Tập 5 : " Ngã nguyên nghĩa là hô hấp, chuyển thành nghĩa sanh mạng, tự kỷ, thân thể, tự ngã, bản chất, tự tánh, hoặc chỉ chung cho chủ thể độc lập vĩnh viễn, tiềm ẩn trong nguồn gốc của tất cả vật và chi phối cá thể thống nhất. Đây là một trong các chủ đề trọng yếu nhất thuộc thế giới tư tưởng Ấn Độ."

Phàm nói ngã phải hội đủ ba yếu tố : Chủ thể, thường nhất và tự tại. Cái ngã mà Phật giáo phủ nhận hay chủ trương vô ngã, đó là chỉ rõ cái ngã do quan hệ nhân duyên kết hợp. Đã do nhân duyên kết hợp, tất nhiên là nó không có chủ thể, không thường nhất và không được tự tại. Như cái thân xác mà chúng ta đang mang đây, nhà Phật gọi là cái thân giả tạm, bởi do ngũ uẩn kết hợp. Ngũ uẩn đó là : Sắc, thọ, tưởng, hành thức. Sắc chất thuộc về phần tứ đại, tức gồm có 4 nguyên tố tụ hợp tạo thành. Như đất, nước, gió, lửa. Bốn thứ này kết hợp trong nhu cầu cường ép. Bởi thế, nên chúng thường chóng trái nhau và chính vì thế, nên chúng ta thường hay đau yếu luôn luôn. Đây là phần kết hợp vật chất. Còn

về phần tinh thần hiểu biết, cũng do bốn thứ kết hợp : Thọ, tưởng, hành, thức. Thọ là sự cảm nhận vui hoặc buồn, hoặc không vui không buồn. Tưởng là nhớ lại những việc đã qua hay tưởng tượng đến những việc sắp đến. Hành là sự biến đổi từng sát na của dòng tâm thức. Thức là sự phân biệt phải trái tốt xấu v.v... Bốn thứ này cấu tạo thành hiện trạng tâm lý. Như vậy, mỗi thân thể chúng ta được cấu tạo bởi hai phần : Vật chất và tinh thần. Đã nói cấu tạo, tất nhiên, là phải do nhiều thứ hợp lại, đã có hợp, tất phải có tan. Đó là một định lý duyên sinh bất di bất dịch. Do đó, mà nhà Phật gọi thân này là vô ngã (Bởi do nhiều yếu tố hợp thành tạm bợ không thật). Ngược lại, cái ngã mà nhà Phật gọi là Chơn Ngã tức là cái " Ta " chơn thật. Nói đến cái Ta là chỉ cho chủ thể mạng sống. Nhưng mạng sống có hai : Giả tạm và vĩnh hằng. Mạng sống giả tạm là mạng sống còn bị hệ thuộc trong phạm trù duyên sinh nhân quả. Còn mạng sống vĩnh hằng, thì vượt ngoài phạm trù duyên sinh nhân quả đối đãi. Mạng sống này, trong nhà Phật có nhiều tên gọi khác nhau. Như Chơn Ngã, Pháp Thân, Phật Tánh, Niết Bàn, Bản Lai Diện Mục, Chơn Lý Tuyệt Đối v.v...Đó là một thực thể bất sinh bất diệt. Câu nói : " Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn." Chữ Ngã đây là chỉ cho Chơn Ngã, chứ không phải cái ngã tầm thường do nhân duyên kết hợp. Ta không nên hiểu lầm cho rằng Phật tự cao tự đại, nêu cao cái bản ngã của mình là trên hết. Chữ Ngã này là một trong bốn đức tánh Niết Bàn mà trong Kinh Đại Bát Niết Bàn Phật đã nêu ra : Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Trong Kinh Kim Cang có bài kệ :

*Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhơn hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai.*



Tạm dịch :

*Nếu người nào dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người ấy hành đạo tà
Không thể thấy được Như Lai.*

Muốn thấy được Như Lai phải thấy bằng cách nào ? Không thể thấy bằng mắt thịt qua hình ảnh sắc tướng của Phật (Vì sắc tướng do duyên hợp, nên vô ngã) Cũng không thể dùng tai nghe âm thanh của Phật mà cho là thấy Phật (vì tiếng cũng do duyên hợp giả có) Như vậy, người nào chạy theo trên hình tướng hay âm thanh để tìm Phật, thì bị Phật quở là kẻ đó hành đạo tà, không bao giờ thấy được Phật. Thế thì, muốn thấy Phật, ta không thể thấy bằng mắt thịt mà phải thấy bằng tâm, tức thâm nhận ra được cái thực thể hằng thanh tịnh sáng suốt, bất sanh bất diệt trong mỗi con người của chúng ta, đó là thấy được Phật hay Như Lai. Như Lai ở đây, ta phải hiểu là Phật Pháp Thân, chứ không phải là Phật Báo Thân. Mà Phật Pháp Thân đó là tên khác của Chơn Ngã hay Đại Ngã. Người nào trực nhận được tánh thể sáng suốt này, thì gọi người đó là ngộ đạo hay kiến tánh.

Tóm lại, khi nói ngã không thật, tất nhiên ta phải hiểu đó là cái ngã do nhân duyên cấu tạo hợp thành. Tạm gọi là giả ngã (Giả có cái ta trống rỗng tạm sinh hoạt trong một thời gian). Còn nói Chơn ngã, thì ta biết đó là cái ngã vượt ngoài duyên sinh đối đãi. Cái ngã đó không hình không tướng, tạm gọi là Chân Ngã hay Chân Lý Tuyệt Đối v.v...

Hỏi : Khi đức Phật ra đời, Ngài bước đi bảy bước rồi dừng lại mà không bước tám bước hay sáu bước, rồi trên mỗi bước lại có một hoa sen. Vậy xin hỏi bảy bước là tượng trưng cho ý nghĩa gì ?

Đáp : Theo quan niệm của Phật giáo nói riêng và quan niệm của người Ấn Độ thuở xưa nói chung, tất cả đều cho rằng : Sự hình thành của một thế giới là do sự cấu tạo của nhiều hạt vi trần kết hợp lại. Nếu nói theo khoa học ngày nay là do nhiều nguyên tử hay phân tử kết hợp. Từ những hạt vi trần nhỏ kết hợp lại thành những vi trần lớn. Cứ như thế mà kết hợp dần lên thành ra một thế giới. Tuy nhiên, sự kết hợp của những hạt vi trần này theo phương cách nào ? Điều này, theo nhà Phật nói, chính giữa có một cái hạt nhân chánh, rồi chung quanh có sáu hạt vi trần phụ. Chung lại, theo danh từ chuyên môn của Phật giáo gọi là Thất Luân Hư Trần. Tức là 7 hạt bụi rất nhỏ nhiệm gần như hư không kết hợp lại, nếu chẻ ra thành ra hư không. Từ Thất Luân Hư Trần hợp lại, thành một nguôi mao đầu trần (đầu lông con trâu) Từ thất nguôi mao đầu trần hợp lại, thành một thố mao đầu trần (đầu lông con thỏ) . v.v...

Như vậy, con số 7 có ra là do nhiều hạt bụi tạo thành. Nói rõ ra, là không có hạt bụi nào tự nó đơn độc mà có, tất nhiên, là nó phải nhờ nhiều hạt bụi li ti khác để tạo thành. Bởi thế, nên hình ảnh đức Phật khi mới giáng sanh, Ngài bước đi bảy bước là để

tiêu biểu cho Ngài bước đi khắp tất cả mọi nơi trên thế giới. Đồng thời cũng để tiêu biểu cho pháp âm của Ngài nói ra vang dội khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Còn hoa sen là tiêu biểu cho sự thanh khiết. Ý nói, mặc dù đức Phật sanh ra trong cõi đời ô trược này, nhưng Ngài không bao giờ bị nhiễm trần. Đó là vì nguyện lực của Ngài ra đời là để hoá độ chúng sanh vậy.

Hỏi : Tôi thấy có một vài đám tang trong giới phật tử của mình, thân quyến có viết cáo phó là : " Miễn Phúng Điếu," (không nhận tiền) hỏi ra, thì họ nói: Nếu nhận tiền, thì người chết phải mắc nợ. Vậy xin hỏi, nhận tràng hoa người ta phúng điếu, thì người chết có mắc nợ hay không ? Và nếu so sánh giữa tiền và tràng hoa, thì cái nào có lợi ích thiết thực hơn ?

Đáp : Nếu căn cứ theo luật nhân quả, thì phàm hề có vay, tất nhiên phải có trả. Nếu bảo nhận tiền, thì người chết mắc nợ, vậy thì nhận tràng hoa, người chết không mắc nợ hay sao ? Tràng hoa đâu phải tự nhiên mà có, tất cũng phải dùng tiền để mua. Chẳng qua dưới một hình

thức khác thôi. Như vậy, bạn bè thân thuộc đến phân ưu phúng điếu, vì ai mà họ phúng điếu, tất nhiên là vì người chết. Nếu không có người chết, thì họ đâu có phúng điếu. Do đó, đương nhiên là người chết phải mang nợ. Tuy nhiên, vấn đề được đặt ra ở đây là, việc phúng điếu bằng tràng hoa phát xuất từ đâu ? Và có phải đó là một tập tục của người Việt Nam chúng ta hay không ?

Theo chỗ chúng tôi được biết, thì việc phúng điếu bằng tràng hoa là do người Việt mình ảnh hưởng người Tây phương. Vì người Tây phương họ rất yêu chuộng hoa tươi. Chúng ta cũng không lạ gì, khi thấy họ đến thăm thân nhân hay bạn bè thân, trên tay của họ thường có một bó hoa tươi. Đây là để biểu lộ tấm lòng thân thương của họ. Đây cũng là một tập tục hay đẹp của họ. Do đó, nên người mình bắt chước làm theo. Điều này, nếu xét theo phong tục xưa của ta, như trong quyển Phong Tục Việt Nam của giáo sư Toan Ánh đã viết : " Phúng là lễ vật đi điếu người chết, còn viếng nghĩa là thăm . Ta thường nói phúng viếng hoặc phúng điếu nghĩa là đem lễ vật





tối hỏi thăm nhà có tang.

Người chết sau khi đã nhập quan và tang chủ đã làm lễ thành phục, con cháu khóc lóc, bạn bè thân thuộc mới bắt đầu tới phúng điếu. Trước đó, cũng có người tới, nhưng chỉ là để hỏi thăm và chia buồn cùng tang chủ chứ chưa có lễ viếng và cũng chưa lễ trước linh cữu.

Lễ phúng viếng thường là trầu cau trà rượu, hoặc những tay văn tự thì dùng những bức trường hoặc những đôi câu đối, trong nêu lên những đức hay tính tốt của người chết.

Con cháu cũng có câu đối để khóc ông bà cha mẹ. Những trường đối của bạn bè thường làm bằng lụa, bằng da màu xanh, vàng, trắng, còn những câu đối của con cháu chỉ viết bằng chữ xanh hoặc chữ đen trên vải trắng.

Ở thôn quê, người trong làng xã thường dùng tiền để phúng viếng, một cách trực tiếp giúp đỡ thiết thực tang chủ trong lúc cần thiết v.v..." (Phong Tục Việt Nam Toàn Ảnh trang 512 nhà xuất bản Đại Nam) Chúng tôi trích dẫn những đoạn văn trên để chúng ta biết sơ qua về phong tục phúng điếu của ông bà ta ngày xưa là như thế. Từ ngày người

tây phương có mặt ở xứ ta, nhứt là trong thời kỳ chiến tranh có quân đội Mỹ, mỗi khi một quân nhân cấp lớn tử trận, thì người chết sẽ được nhận những tràng hoa danh dự, tưởng niệm thân thiết phúng điếu. Và cũng từ đó, người dân thành thị bắt chước theo hay dùng hoa tươi hoặc hoa cườm để phúng điếu cho người chết. Ngược lại, ở thôn quê thì lại khác. Chúng ta thấy, trong làng xã có người mất, thì người ta thường dùng tiền để phúng điếu. Đây là một hình thức trực tiếp giúp đỡ cho tang chủ tiện bề chi dụng trong lúc cần thiết. (Người viết đã chứng kiến nhiều đám táng ở thôn quê là như thế). Đây cũng là một tập tục rất hay và rất thực tế trong việc tương tế. Tổ tiên ta có câu : " Nhứt gia hữu sự bá gia ưu ". Nghĩa là, một nhà có việc, thì trăm nhà đều chung lo. Điều này, vừa nói lên tình thân tương thân tương trợ của người dân quê mộc mạc, cũng vừa nói lên tình đoàn kết keo sơn gắn bó tình tự của một dân tộc hiền hòa. Chính vì tình thân hổ tương sớm tối có nhau này, nên ta thấy, ngoài việc bà con thân hữu xúm xít nhau lại chung lo đám sảm, họ còn nghĩ đến việc giúp đỡ tiền bạc cho gia đình người chết có chút ít phương tiện để xoay trở tiêu phí trong việc tang lễ. Vì vậy, ở thôn quê, ít có gia đình nào từ khước không chấp điếu. Vì họ nghĩ, hôm nay mình nhận của người ta, thì mai kia mình sẽ đi trả lại. Giống như một hình thức cho vay mà không lời vậy. Tuy nói là vì người chết, mà kỳ thật là vì giúp đỡ cho người sống. Nếu là người khá giả, có đủ khả năng, thì họ sẽ đem số tiền mà bà con phúng điếu để làm những việc từ thiện giúp cho xã hội hoặc cúng chùa v.v... Việc làm đó, hương linh chẳng những không mắc nợ, mà còn được tăng thêm phước đức nữa. Còn nếu như những gia đình nghèo không đủ khả năng chi dụng cho đám sảm, thì tạm thời họ dùng số tiền này để trang trải cho việc tang lễ, rồi sau đó, con cháu

hoặc người thân từ từ họ sẽ đi hoàn trả lại. Như thế, trên thực tế, ta thấy người chết như mắc nợ, nhưng xét cho cùng, thì đây là một hình thức tương trợ lẫn nhau mà thôi. Theo tôi, đây là một hình thức tương trợ vừa giữ được tập tục xưa mà cũng vừa ích lợi rất thực tế, nếu chúng ta khéo xử dụng đồng tiền này vào những việc làm hữu ích cho xã hội. Ngược lại, đối với những tràng hoa, xét ra, chỉ tô điểm cho tang lễ thêm phần trang trọng, chỉ dùng được một hai ngày, rồi sau đó khi đưa đám đến huyệt mộ hay đến lò thiêu, thì những tràng hoa này cũng theo người chết mà vứt bỏ luôn, thật là uổng phí ! Chi bằng, nếu trong thân quyến e ngại sự nhận tiền phúng điếu của bằng hữu, thì ta có thể làm theo phương cách mà Đại Đức Thích Phước Tấn trụ trì chùa Quang Minh vừa mới đề xướng một phương pháp phúng điếu mới, vừa có lợi ích thiết thực cho xã hội mà cũng vừa đem lại sự lợi lạc cho hương linh. Phương pháp đó như thế nào ? Nhân đám tang của phật tử Nguyễn Thị Hoàng Anh, tịch danh là Tịnh Mẫn, là một liên hữu của Cực Lạc Liên Hữu Quang Minh Đạo Tràng, Thầy kêu gọi quý Liên hữu phật tử mỗi người nhận một Tràng Hoa Công Đức. Tràng hoa công đức này hình thức là một khổ giấy giống như phiếu công đức vậy . Thầy in màu rất đẹp. Thầy trao phát cho những liên hữu phật tử nào đã phát tâm nhận lãnh ghi vào. Ghi như thế nào ? Có vị thì ghi sẽ hiến cúng 50 đô, hoặc 100 đô... để gởi tặng cho các bệnh viện cô nhi, hoặc các bệnh viện cùi hay ung thư v.v... Có người thì hứa là sẽ tụng một bộ Kinh Pháp Hoa, có người thì phát nguyện mỗi đêm niệm một ngàn câu hiệu Phật, có người thì phát nguyện làm bao nhiêu việc phước thiện trong thời gian 49 ngày, tất cả những việc làm và những điều phát nguyện trên, thầy đều hồi hướng cho hương linh sớm được siêu sanh Tịnh Độ. Qua

việc đề xướng này, chúng tôi thấy quý liên hữu phật tử hưởng ứng rất mạnh mẽ. Và mỗi người đem hết lòng thành của mình để thực hiện những điều mà mình đã phát nguyện. Tất cả chỉ vì hương linh và cho hương linh. Đây mới thật là một loại Trùng Hoa thật vô cùng quý giá. Âm vang của những việc làm này, như tụng kinh, niệm phật, công quả, làm phước v.v... nó vẫn còn vang vọng mãi cho đến trải qua hết 49 ngày, chớ không như những đám khác, là khi bạn bè hay đồng đạo đưa đám xong rồi, thì người chết sẽ đi vào trong quên lãng, không còn ai nhớ biết đến để cầu nguyện dù đó là một câu hiệu phật.

Riêng chúng tôi, chúng tôi nhận thấy điều này rất phù hợp với tinh thần vị tha của Phật giáo và cũng rất phù hợp trong việc hộ niệm cho hương linh trong tinh thần nhiếp tâm cầu nguyện, gọi là đức chúng như hải vậy.

Trên đây, là góp chút thành ý của người phụ trách mục giải đáp này. Mong rằng tất cả Liên hữu, phật tử chúng ta, tưởng cũng nên suy xét lại cho thật kỹ, để chúng ta có thể chuyển đổi qua một hình thức như Đại Đức Thích Phước Tấn đã làm vừa qua trong đám tang của phật tử Nguyễn thị hoàng Ánh. Qua đó, theo tôi được biết, mọi người đều rất hoan hỷ tán đồng. Vì nó rất hữu ích cho cả hai: kẻ còn và người mất đều được lợi lạc vậy.

Hỏi : Tôi thường thấy lúc cúng vong, có ba chén cơm để ngang nhau. Chén cơm chính giữa thì để một đôi đũa, còn 2 chén cơm 2 bên, thì chỉ để có 2 chiếc đũa. Xin hỏi, điều này có ý nghĩa gì ?

Đáp : Nghi cúng cơm này là do Tổ Tiên ta bày ra. Đây là một tập tục có từ xưa. Khi cúng để 3 chén cơm, một chén chính giữa phải đầy cơm và 2 chén 2 bên thì lưng. Chén cơm và đôi đũa ở giữa là để cúng cho

hương linh mới chết, còn 2 chén và 2 chiếc đũa 2 bên là để cúng cho 2 bên vai giác, tức là tả mạng thần quang và hữu mạng thần quang. Thường là để cúng 3 chén, 6 chén hoặc 9 chén, chớ để 5 chén là sai. Lý do để 2 chiếc đũa 2 bên, ý nói rằng, ma cũ thường ăn hiệp ma mới, nên chỉ để một chiếc mà không để nguyên đôi. Nếu để nguyên đôi, thì hương linh mới chết đó khó có thể ăn được trọn vẹn, mà bị các cô hồn giành giật ăn hết vậy.



Hỏi : Phật có 3 thân : Pháp thân, Ứng thân, Báo thân. Kinh Địa Tạng nói : " Phật lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho Thánh Mẫu nghe. Vậy xin hỏi, khi lên cung trời thuyết pháp, Phật đi bằng thân nào ?

Đáp : Xin thưa ngay là Phật đi bằng Ứng thân. Lý do tại sao ? Bởi vì, đức Phật có lục thông. Trong lục thông, có một thông gọi là Thần túc thông. Thông này có năng lực hiện thân tùy ý muốn tự do vô ngại. Điều này, chúng ta cũng không lạ gì, khi đọc các sách truyện xưa, như là truyện Tàu. Như truyện Phong Thần chẳng hạn. Trong đó, diễn tả các vị có phép lạ đặng vân giá vô hay độn thổ tàng hình v.v... Hoặc như các vị thiên tiên bay qua lại tự do. Đó là những người chưa tu hành đắc đạo mà còn biến hoá như thế. Ngược lại, đức Phật là một bậc Đại Giác Ngộ. Ngài có đủ thần thông biến hoá mà có lẽ nào lại không bằng các vị tiên đó hay sao ? Do đó, Phật hiện thân ở

các cõi. các nơi đều là cái Ứng Thân chớ không phải Báo thân hay Pháp Thân vậy.

Hỏi : Tại sao người Phật tử khi tụng kinh lễ bái hoặc chào hỏi nhau lại chấp tay. Vậy xin hỏi ý nghĩa chấp tay như thế nào ?

Đáp : Chấp tay, nguyên tiếng Hán Việt là Hiệp chưởng. Tiếng Phạn là Āñjali. Hiệp chưởng còn gọi là hiệp thập. Theo Từ Điển Phật Học Huệ Quang tập 4 trang 2863 có giải thích như sau : " Chấp 2 bàn tay, tập trung tư tưởng, cung kính lễ bái. Đây là cách lễ bái từ xưa ở Ấn Độ, được Phật giáo thật hành theo.

Người Ấn Độ cho rằng tay phải là tay thần thánh, tay trái là tay bất tịnh. Nhưng nếu 2 tay hiệp lại làm một thì trở thành sự hợp nhất giữa phương diện thánh thiện và nhiễm ô, cho nên hiệp chưởng là biểu hiện bộ mặt chân thật nhất của con người. Nghĩa " Bất cấu bất tịnh " trong Bát Nhã Tâm Kinh chính là ý này.

Trong các Kinh Luận có rất nhiều chỗ nói về hiệp chưởng, như Phẩm Phương Tiện Kinh Pháp Hoa (Đại 9,9 Hạ) ghi : " Cung kính hiệp chưởng lễ"; Kinh Quán Vô Lượng Thọ (Đại 12, 345 thượng) ghi : " Hiệp chưởng chấp tay, khen ngợi chư Phật."

Ngoài việc biểu thị ý cung kính trong tâm, hiệp chưởng còn biểu thị ý trở về nguồn cội, đạt đến chỗ phi quyền, phi thật, sự lý khế hợp.

Theo Đại Đường Tây Vực Ký 2, hiệp chưởng là cách thứ tư trong 9 cách lễ ở Ấn Độ.

Mật Giáo phối hợp 2 tay với Kim Cang giới và Thai Tạng giới, hoặc lý và trí, hoặc định và huệ v.v... đồng thời phối hợp 10 ngón với 5 đại, 10 Ba La Mật v.v...

Ngoài ra, Đại Nhật Kinh Sớ 13 có nêu 12 cách hiệp chưởng :

- 1- Kiên thật tâm hiệp chưởng (hai tay chấp chặt vào nhau các đầu ngón tay bằng nhau).
- 2- Hư tâm hiệp chưởng, còn gọi không tâm hiệp chưởng (hai tay chấp lại, các đầu ngón tay bằng nhau, hơi rỗng ở giữa).
- 3- Vị phu (khai) liên hiệp chưởng (các ngón tay bằng nhau chấp lại, lòng bàn tay phình ra hình hoa sen búp).
- 4- Sơ các liên hiệp chưởng (chấp tay 2 ngón cái và 2 ngón út dính lại, các ngón kia hở ra, giống như hoa sen hàm tiếu).
- 5- Hiển lộ hiệp chưởng (hai bàn tay chạm đầu, ngửa lên).
- 6- Trì thủy hiệp chưởng (hai tay cũng ngửa lên như trước, dáng khum lại như đang vốc nước).
- 7- Quy mạng hiệp chưởng, còn gọi Kim cang hiệp chưởng (đặt ngón của bàn tay mặt lên trên ngón của bàn tay trái).
- 8- Phản xoa hiệp chưởng (hai tay chấp ngược đầu nhau đặt tay phải lên tay trái).
- 9- Phản tích (bối) hổ tương trước hiệp chưởng (lưng 2 bàn tay đầu nhau, tay phải để ngửa trên lưng bàn tay trái).
- 10- Hoàn trụ chi hiệp chưởng (hai bàn tay nằm ngửa, đầu 2 ngón trở đụng nhau).
- 11- Phúc thử hướng hạ hiệp chưởng (hai bàn tay nằm úp, đầu 2 ngón trở đụng nhau).
- 12- Phúc thủ hiệp chưởng (hai bàn tay úp xuống hai ngón cái chạm nhau).

Mười hai loại hiệp chưởng này đều có ý nghĩa sâu xa khác nhau.

Hỏi : Tại sao khi cúng vong hoặc tiến linh cho các bậc Tôn Sư, lại đọc 2 bài chú : Biến Thực và Biến Thủy. Xin hỏi, điều này có ý nghĩa gì ?



Đáp : Biến thực chân ngôn hay Biến thực chú, hoặc Biến thực đà la ni, đây là thần chú biến hoá thức ăn để cúng thí cho chư thiên và ngạ quỷ. Về nguyên nhân có ra thần chú này, theo Từ Điển Phật Học Huệ Quang quyển 1 trang 752 có ghi như sau : " Kinh Cứu Bạt Diệm Khẩu Nga Quỷ Đà La Ni có nói : " Phật thuyết pháp ở Tăng già lam Ni câu luật na thành Ca tỳ la. Lúc bấy giờ, Tôn giả A Nan ngồi một mình nơi thanh vắng tu tập thiền định. Sau canh ba, chính Tôn giả A Nan thấy một ngạ quỷ Diệm Khẩu, thân hình xấu xí khô gầy, trong miệng lửa cháy, yết hầu nhỏ như đầu kim, tóc rối, răng móng dài nhọn rất đáng kinh sợ. Ngạ quỷ ấy bảo A Nan rằng : Sau 3 ngày nữa A Nan sẽ chết và cũng đọa vào trong loài ngạ quỷ. A Nan sợ hãi liền hỏi phải làm cách nào để được thoát khổ ? Ngạ quỷ Diệm Khẩu bèn chỉ rõ cho A Nan : Nếu cúng thí vật thực cho vô lượng ngạ quỷ cùng trăm ngàn Bà La Môn Tiên (là một loại tiên trong loài quỷ) và cúng dường Tam Bảo rồi hồi hướng công đức cho chúng để chúng được sanh lên cõi trời và người ấy được tăng thêm tuổi thọ. Tôn giả A Nan liền đến chỗ Phật, đem việc ấy bạch lên và cầu xin Phật chỉ dạy. Đức Phật vì ngạ quỷ Diệm Khẩu tuyên nói Đà la ni Biến thực chân ngôn có vô lượng

oai đức tự tại quang minh thù thắng diệu lực.

Theo Tiêu Thích Kim Cang Khoa Nghi Hội Yếu Chú Giải 2 thì hành giả niệm chân ngôn này được 3 biến, 7 biến hoặc 21 biến thì nhờ thần lực của chân ngôn, các vật cúng tự nhiên biến thành các món ăn ngon của chư thiên, món nào cũng đều rất nhiều như cả núi Tu Di. Thực hành phép biến thực này, trước dùng Tịnh pháp giới chân ngôn chữ " Lam" và bắt ấn kiết tường gia trì 21 biến để làm cho thức ăn được thanh tịnh, kế đó niệm Biến thực chân ngôn rồi sau niệm Phổ cúng dường chân ngôn (Đại 92, 137 hạ) : " Ân, nga nga nằng, tam bà phạ, phiệt nhật ra hồng".

Ngoài ra, theo bộ Oánh Sơn Hoà Thượng Thanh Qui hạ của Nhật Bản thì có thêm chân ngôn rảy nước trì tụng trong hội cúng thí cho ngạ quỷ (Đại 82, 446 trung) là : " Nam mô tát phạ đát tha nga đa, phạ lô chỉ đế, án, tam bạt ra, tam bạt ra hồng.